TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1013/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987; HKTT: Số 17, đường 802, tổ 5, ấp P, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 142/1A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1980; HKTT: 01A khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ sinh sống: Cửa hàng Điện ô tô C, 112/1 khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2022, bản tự khai ngày 05/10/2022 quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thành phố Tân An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009, quyển số 01 ngày 10/3/2009.

Sau khi kết hôn bà T và ông T sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu Tẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu Tẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không ai chịu lắng nghe ý kiến của nhau dẫn đến mâu Tẫn trầm trọng từ năm 2019 cho đến nay. Từ những mâu Tẫn đó vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay và không còn ai quan tâm chăm sóc cuộc sống của nhau. Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông T cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, bà Trần Thị Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T có 01 người con chung tên Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012. Sau khi ly hôn bà Trần Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản sao giấy khai sinh của cháu Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Huỳnh Văn T đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, hiện cháu Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012, bà Trần Thị Thanh T là người đang trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của con Huỳnh Thanh N muốn chung sống với bà T nên yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T được nuôi con chung là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Cửa hàng Điện ô tô Cao Pháp, 112/1 khu phố 1A, phường An Phú, thành phố Tận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Tận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự. Bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thành phố Tận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009, quyển số 01 ngày 10/3/2009 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Huỳnh Văn T tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Huỳnh Văn T vẫn từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T tại chính quyền địa phương được bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của ông Huỳnh Văn T cung cấp: "Hiện ông T, bà T không còn sống chung với nhau khoảng hơn 10 năm cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, con chung thì bà T đang trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng". Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu Tẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

[2.3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn T có 01 người con chung tên Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012. Sau khi ly hôn bà Trần Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện nay bà T là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu N muốn được sống cùng mẹ nên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để chăm sóc tốt nhất cho cháu Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thanh T tự nguyện không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thanh N, sinh ngày 07/12/2012 cho bà Trần Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, vì quyền lợi của con, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000477 ngày 28/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tận An;
- Chi cục THADS thành phố Tận An;
- UBND phường Lái Thiêu, thành phố Tận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu